

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

Số: 9812 /UBND-VX

V/v chủ trương mua sắm khí y tế,
hóa chất, vật tư y tế lần 4 năm 2022
của Bệnh viện Hữu nghị đa khoa
Nghệ An

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nghệ An, ngày 10 tháng 12 năm 2022

Kính gửi:

- Sở Y tế;
- Sở Tài chính;
- Bệnh viện Hữu nghị đa khoa,
tỉnh Nghệ An.

Xét đề nghị của Sở Y tế tại Công văn số 4879/SYT-QLD ngày 02/12/2022 về việc chủ trương mua sắm khí y tế, hóa chất, vật tư y tế lần 4 năm 2022 của Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An,

UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Đồng ý chủ trương để Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An tiến hành mua sắm 410 mặt hàng (215 loại mặt hàng) hóa chất, vật tư y tế, khí y tế với tổng kinh phí tối đa dự kiến: 100.729.951.145 đồng (Một trăm tỷ, bảy trăm hai mươi chín triệu, chín trăm năm mươi một nghìn, một trăm bốn mươi lăm đồng), trong đó:

- Danh mục vật tư y tế thuộc Thông tư số 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017 của Bộ Y tế gồm 292 mặt hàng (125 loại mặt hàng), với kinh phí dự kiến: 85.459.116.585 đồng (Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo)..

- Danh mục các hàng hoá khác không thuộc Thông tư số 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017 của Bộ Y tế gồm 118 mặt hàng (90 loại mặt hàng), với kinh phí dự kiến: 15.270.834.560 đồng (Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo).

- Nguồn kinh phí: Nguồn thu từ dịch vụ khám, chữa bệnh do Quỹ bảo hiểm y tế chi trả và từ người bệnh chi trả và các nguồn thu khác của Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An;

2. Giao Sở Y tế, Sở Tài chính hướng dẫn Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định; Việc mua sắm đảm bảo phù hợp với định mức, tiêu chuẩn, chất lượng, hiệu quả và tiết kiệm. Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An chịu trách nhiệm về danh mục, giá mặt hàng mua sắm./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- PCT VX UBND tỉnh;
- CVP, PCVP VX UBND tỉnh;
- Lưu: VT-UB, KG-VX (TP, P).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Đình Long

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ MUA SẮM CỦA BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ
ĐA KHOA NGHỆ AN LẦN 4 NĂM 2022
(Kèm theo Công văn số. 9812/UBND-VX ngày 10/12/2022 của UBND tỉnh Nghệ An)

STT	Tên loại hàng hoá	Số lượng mặt hàng	Đơn vị tính	Số lượng
1	Acid citric	1	Kg	1.250
2	Băng cuộn vải	2	Cuộn	44.000
3	Băng dính cuộn vải lụa	2	Cuộn	37.000
4	Băng ghim khâu cắt nối nội soi gấp góc	2	Cái	860
5	Bộ cảm biến huyết áp đầu dò	1	Bộ	500
6	Bộ dẫn lưu thủy dịch	1	Bộ	16
7	Bộ dây dẫn lọc huyết tương	1	Bộ	200
8	Bộ dây dẫn máu máy lọc máu	1	Bộ	200
9	Bộ gậy tê ngoài màng cứng	2	Bộ	3.500
10	Bộ hóa chất dùng lọc máu thận nhân tạo	1	Can	10.000
11	Bộ hút đờm kín	2	Bộ	240
12	Bộ mở thông dạ dày qua da	1	Bộ	20
13	Bơm cho ăn	2	Cái	39.000
14	Bơm tiêm 10ml	2	Cái	960.000
15	Bơm tiêm 1ml	3	Cái	51.000
16	Bơm tiêm 20ml	2	Cái	420.000
17	Bơm tiêm 3ml	3	Cái	6.100
18	Bơm tiêm 50ml	2	Cái	72.000
19	Bơm tiêm 5ml	3	Cái	2.050.000
20	Bơm tiêm insulin	2	Cái	105.000
21	Bông y tế	3	Kg	1.650
22	Bột cầm máu	2	Kít	44
23	Chất tẩy rửa enzyme cho quy trình tẩy rửa thủ công và bằng máy tự động trên dụng cụ y tế, phẫu thuật, nha khoa và dụng cụ nội soi	1	Can	120
24	Chỉ phẫu thuật không tiêu	19	Sợi	28.134
25	Chỉ phẫu thuật không tiêu không kim	3	Sợi	5.200
26	Chỉ phẫu thuật tự tiêu	19	Sợi	61.630
27	Clip titanium	2	Cái	2.200
28	Cloramin B	1	Kg	85
29	Cồn 90 độ	1	Lít	5.000
30	Cồn y tế 70 độ	1	Lít	15.000
31	Cồn y tế 96 độ	1	Lít	25.000
32	Dao bẻ góc 15 độ	1	Cái	350

18

STT	Tên loại hàng hoá	Số lượng mặt hàng	Đơn vị tính	Số lượng
33	Dao chọc củng mạc	1	Cái	5
34	Dao phẫu thuật thủy tinh thể (Phaco)	1	Cái	350
35	Dây hút dịch có nắp	2	Cái	175.000
36	Dây hút dịch không nắp	2	Cái	30.500
37	Dây lọc thận nhân tạo	4	Bộ	33.500
38	Dây máy thở	2	Bộ	1.600
39	Dây nối	1	Cái	100
40	Dây nối bơm tiêm điện	2	Cái	52.000
41	Dây thở oxy	2	Cái	42.000
42	Dây truyền dịch có kim	3	Bộ	195.000
43	Dây truyền dịch có vi điều chỉnh	2	Cái	24.000
44	Dây truyền dịch dùng cho máy truyền dịch tự động	1	Bộ	3.500
45	Dây truyền dịch giảm đau sau mổ	2	Bộ	5.500
46	Dây truyền dịch không kim	1	Bộ	220.000
47	Dây truyền dịch kim cánh bướm	3	Bộ	607.800
48	Dây truyền máu	2	Cái	20.000
49	Đè lưới gỗ	1	Cái	10
50	Dịch nhầy	2	Ống	1.550
51	Điện cực tim	2	Cái	120.000
52	Dụng cụ khâu cắt nối nội soi	1	Cái	17
53	Dụng cụ khâu nối	2	Cái	318
54	Dụng cụ khâu nối tròn	1	Cái	43
55	Dung dịch diệt khuẩn phòng mổ và buồng bệnh	1	Can	50
56	Dung dịch khử khuẩn bề mặt	1	Chai	2.000
57	Dung dịch khử khuẩn cho ống nội soi và dụng cụ y tế	1	Can	350
58	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ nhanh	1	Can	100
59	Dung dịch ngâm khử khuẩn và tiết khuẩn dụng cụ	1	Can	120
60	Dung dịch ngâm khử khuẩn và tiết khuẩn lạnh dụng cụ	1	Can	720
61	Dung dịch ngâm tẩy rửa dụng cụ	1	Can	100
62	Dung dịch rửa tay phẫu thuật	1	Can	100
63	Dung dịch rửa tay phẫu thuật (Chlorhexidin Gluconate 4%)	2	Can/Chai	400
64	Dung dịch rửa tay thường quy	3	Can/Chai	2.150
65	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	3	Chai	1.600

STT	Tên loại hàng hoá	Số lượng mặt hàng	Đơn vị tính	Số lượng
66	Dụng dịch sát khuẩn, khử trùng quả lọc thận nhân tạo	1	Can	36
67	Dụng dịch tẩy rửa và khử trùng dụng cụ y tế	1	Can	400
68	Gạc	10	Cái	1.540.000
69	Gạc băng mắt	1	Cái	35.000
70	Gạc cầm máu mũi	2	Bộ	6.100
71	Gạc hút	1	Mét	6.000
72	Gạc meche phẫu thuật	1	Cái	32.000
73	Găng tay khám	3	Đôi	900.600
74	Găng tay phẫu thuật	3	Đôi	400.000
75	Kẹp rốn	1	Cái	4.500
76	Khóa 3 chạc	5	Cái	79.400
77	Kim châm cứu	1	Cái	250.000
78	Kim chọc hút tủy xương	1	Cái	650
79	Kim gây tê tủy sống	2	Cái	15.000
80	Kim lọc thận nhân tạo	2	Cái	90.000
81	Kim luồn tĩnh mạch	6	Cái	238.000
82	Kim nha khoa	1	Cái	1.300
83	Kim phẫu thuật	1	Cái	3.300
84	Kim quang	1	Cái	2.000
85	Kim sinh thiết bán tự động	1	Bộ	180
86	Kim tiêm	2	Cái	2.500.000
87	Lọ đựng mẫu bệnh phẩm	2	Cái	31.000
88	Lưỡi cắt tuyến tiền liệt	2	Cái	160
89	Lưỡi dao mổ	2	Cái	29.000
90	Lưới điều trị thoát vị	3	Miếng	580
91	Lưỡi đốt tuyến tiền liệt	2	Cái	55
92	Màng tách huyết tương	1	Quả	200
93	Mask bóp bóng	1	Cái	5.000
94	Mặt nạ thở khí dung	1	Cái	8.500
95	Mặt nạ thở oxy	1	Cái	5.000
96	Miếng cầm máu mũi	1	Miếng	1.000
97	Miếng cầm máu tai	1	Miếng	230
98	Miếng dán mi	1	Miếng	12.500
99	Nắp đóng bộ chuyển tiếp	1	Cái	7.500
100	Ống chứa bệnh phẩm (eppendorf)	2	Cái	38.000
101	Ống nghiệm nhựa	3	Cái	240.000
102	Ống nối dây máy thở	1	Cái	100
103	Ống nội khí quản	2	Cái	15.000
104	Ống thông (Catheter) dùng trong thận nhân tạo	2	Bộ	3.800

STT	Tên loại hàng hoá	Số lượng mặt hàng	Đơn vị tính	Số lượng
105	Ống thông (Catheter) tĩnh mạch trung tâm	4	Bộ	3.806
106	Ống thông dạ dày	1	Cái	12.500
107	Ống thông niệu quản (Sonde JJ)	2	Cái	1.850
108	Ống thông phế quản	1	Cái	130
109	Ống thông tiểu (Sonde foley)	6	Cái	40.254
110	Ống thông tiểu 1 nhánh (Sonde nelaton)	1	Cái	3.200
111	Phim X - Quang	6	Tờ	445.000
112	Phin lọc vi khuẩn	2	Cái	22.000
113	Quả lọc máu	2	Cái/Quả	205
114	Quả lọc thận nhân tạo	12	Quả	35.800
115	Sáp cầm máu	2	Miếng	3.200
116	Tấm bông gòn	2	Cái	12.500
117	Tay dao mổ điện	2	Cái	780
118	Thủy tinh thể nhân tạo	7	Cái	2.060
119	Túi camera	2	Cái	10.000
120	Túi đựng nước tiểu	2	Cái	36.000
121	Túi ép dẹt	8	Cuộn	237
122	Túi máu	2	Cái	260
123	Vật liệu cầm máu	3	Miếng	2.100
124	Vật liệu cầm máu sọ não	1	Miếng	1.000
125	Vôi sô đa	2	Can/Kg	600
Tổng cộng: 125 loại mặt hàng, 292 mặt hàng.				

PHỤ LỤC 2**DANH MỤC HÀNG HOÁ KHÔNG NẰM TRONG THÔNG TƯ 04/2017
MUA SẴM CỦA BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ ĐA KHOA LẦN 4 NĂM 2022**
(Kèm theo Công văn số: 9812/UBND-VX ngày 10/12/2022 của UBND tỉnh Nghệ An)

TT	Tên loại hàng hoá	Số lượng mặt hàng	ĐVT	Số lượng
1	Ambu bóp bóng người lớn	2	Bộ	60
2	Bàn chải rửa tay phẫu thuật	1	Cái	30
3	Băng đựng hóa chất	1	Băng	120
4	Bao cao su	2	Cái	8.500
5	Barisulfat	1	Gói	500
6	Bộ cảm biến đo huyết áp động mạch và bộ phận cảm biến nhiệt	1	Bộ	60
7	Bộ đặt nội khí quản	2	Bộ	79
8	Bộ băng áo	2	Bộ	4.300
9	Bộ tấm dán hạ thân nhiệt	2	Bộ	10
10	Bộ thuốc nhuộm Gram	1	Bộ	15
11	Bóng đèn đặt nội khí quản	1	Cái	75
12	Catheter động mạch đùi có đầu nhận cảm biến áp lực và nhiệt độ	1	Bộ	60
13	Chén lưỡi nhựa	2	Cái	5.800
14	Chỉ thị hóa học đa thông số	1	Cái	600
15	CO2 y tế	1	Bình	150
16	Cồn tuyệt đối	1	Chai	800
17	Dụng cụ định vị miệng thoát vị	1	Cái	12
18	Formaldehyde	1	Chai	450
19	Gel siêu âm	2	Can	300
20	Giấy điện tim	4	Cuộn/Tập	5.900
21	Giấy in kết quả xét nghiệm nước tiểu	1	Cuộn	35
22	Giấy siêu âm	1	Cuộn	1.800
23	Giêm sa mẹ	1	Chai	5
24	Hóa chất định danh nhóm máu Anti - A	1	Lọ	700
25	Hóa chất định danh nhóm máu Anti - AB	1	Lọ	700
26	Hóa chất định danh nhóm máu Anti - B	1	Lọ	700
27	Hóa chất định danh nhóm máu Anti - D	1	Lọ	250

TT	Tên loại hàng hoá	Số lượng mặt hàng	ĐVT	Số lượng
28	Hóa chất định tính phát hiện các kháng thể IgG/IgM kháng Dengue	2	Test	2.000
29	Hóa chất định tính phát hiện IgG kháng H.Pylori	1	Test	4.000
30	Hóa chất định tính phát hiện kháng thể kháng HEV	1	Test	2.250
31	Hóa chất định tính phát hiện kháng thể TB Lao IgG/IgM	1	Test	2.700
32	Hóa chất phát hiện indole	1	Hộp	2
33	Huyết áp đồng hồ	1	Bộ	320
34	Khẩu trang y tế	3	Cái	140.000
35	Khí Argon	1	Bình	20
36	Khí nổ nội nhãn dùng trong điều trị bong võng mạc (octafluoropropane - C3F8)	1	Bình	1
37	Khoanh giấy làm kháng sinh đồ cho vi khuẩn	1	Khoanh Giấy	32.000
38	Khoanh giấy tẩm ethylhydrocuprein hydrochloride	1	Khoanh Giấy	250
39	Lam kính mài	2	Cái/Hộp	56.083
40	Lọc đo chức năng hô hấp	1	Cái	380
41	Môi trường kiểm tra tính nhạy cảm kháng sinh của vi sinh vật không khó mọc	1	Đĩa	7.000
42	Môi trường nuôi cấy các loài vi sinh vật khó mọc (chocolate)	1	Đĩa	10.000
43	Môi trường nuôi cấy và phân biệt các loại nấm	1	Đĩa	500
44	Môi trường phân lập nấm men và nấm mốc	1	Kg	1
45	Môi trường phát hiện, phân lập các vi khuẩn Enterobacteriaceae	1	Đĩa	9.500
46	Môi trường sử dụng để phân lập và phân biệt các vi sinh gây nhiễm trùng đường tiết niệu (UTI)	1	Đĩa	27.000
47	Mũ phẫu thuật vô trùng	1	Cái	33.000
48	Nỉ tơ lông	1	Lít	6.500
49	Nước cất 2 lần	1	Lít	31.000

TT	Tên loại hàng hoá	Số lượng mặt hàng	ĐVT	Số lượng
50	Ống chứa máu kháng đông EDTA - K2	2	Cái	160.000
51	Ống chứa máu kháng đông EDTA - K2, nắp cao su	2	Cái	500.000
52	Ống chứa máu kháng đông Heparin	2	Cái	520.000
53	Ống chứa máu kháng đông Natri Citrate 3,8%	2	Cái	326.400
54	Ống nghe 2 dây	1	Cái	120
55	Ống nghe kiểm tra huyết áp	1	Cái	160
56	Ống nghiệm chân không EDTA -K2	2	Cái	4.800
57	Ống nghiệm chân không Lithium Heparin	2	Cái	14.400
58	Ống nghiệm chân không Natri Citrate 3,2%	1	Cái	4.800
59	Ống nghiệm chân không Serum	1	Cái	12.000
60	Oxy y tế 10 lít	1	Bình	5.000
61	Oxy y tế 40 lít	1	Bình	3.000
62	Panel Hồng cầu	1	Hộp	18
63	Parafin hạt tinh thiết	1	Kg	150
64	Parafin rắn	1	Kg	100
65	Que test đường huyết	3	Bộ/Test	312.000
66	Que thử nồng độ Acid Peracetic	1	Que	600
67	Que thử nồng độ Clorine	1	Que	900
68	Que thử tồn dư Peroxide	1	Que	60
69	Test chẩn đoán giang mai	1	Test	3.000
70	Test chẩn đoán kháng thể kháng liên cầu khuẩn	1	Test	300
71	Test định tính phát hiện kháng thể kháng giang mai (IgM, IgG, IgA)	1	Test	3.000
72	Test nhanh chẩn đoán Anti HBsAg	1	Test	3.000
73	Test nhanh chẩn đoán Chlamydia	2	Test	2.200
74	Test nhanh chẩn đoán cúm A,B	1	Test	2.500
75	Test nhanh chẩn đoán giang mai	1	Test	8.000
76	Test nhanh chẩn đoán HIV	3	Test	56.000
77	Test nhanh chẩn đoán kháng nguyên Malaria	1	Test	500
78	Test nhanh chẩn đoán Maijuana (Cần Sa)	1	Test	600

✓

TT	Tên loại hàng hoá	Số lượng mặt hàng	ĐVT	Số lượng
79	Test nhanh chẩn đoán Methamphetamin	1	Test	600
80	Test nhanh chẩn đoán morphin, opiate và các chất chuyển hóa	1	Test	1.700
81	Test nhanh chẩn đoán Rotavirus	1	Test	125
82	Test nhanh chẩn đoán sốt rét Malaria	1	Test	2.000
83	Test nhanh chẩn đoán sốt xuất huyết	2	Test	1.300
84	Test nhanh chẩn đoán viêm đường hô hấp	1	Test	700
85	Test nhanh chẩn đoán viêm gan A	2	Test	5.400
86	Test nhanh chẩn đoán viêm gan B (HBeAg)	1	Test	7.200
87	Test nhanh chẩn đoán viêm gan B (HBsAg)	2	Test	50.150
88	Test nhanh chẩn đoán viêm gan C	1	Test	22.000
89	Thạch máu	1	Đĩa	30.000
90	Túi đựng dịch thải	1	Cái	20
Tổng cộng: 90 loại mặt hàng, 118 mặt hàng.				

VB